

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày: 28-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/8/2020 và ngày 28/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* Hồ Văn L1, sinh năm 1958; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn R (*không rõ năm sinh, năm chết*), con bà Nguyễn Thị X (*không rõ năm sinh*); có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; có 02 người con, sinh năm 1982 và sinh năm 1986; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2020 đến ngày 01/4/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên:* Hồ Văn L2, sinh năm 1986; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn L1, sinh năm 1958 (*bị cáo trong vụ án*), con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; có vợ tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988; có 02 người con, sinh năm 2010 và sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ

ngày 23/3/2020 đến ngày 01/4/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. *Họ và tên*: Bùi Anh H, sinh năm 1974; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: huyện C, T phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Anh V, sinh năm 1939 và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1951; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/3/2020 đến ngày 02/4/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. *Họ và tên*: Phún G (tên gọi khác: S), sinh năm 1977; tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phún Sọc S, sinh năm 1930 (*đã chết*) và con bà Lầu A M (*không rõ năm sinh*); có vợ tên Huỳnh Thanh T, sinh năm 1982; có 03 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/3/2020 đến ngày 02/4/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. *Họ và tên*: Lê Quốc B, sinh năm 1974; tại tỉnh Bến Tre; HKTT: xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; tạm trú: xã T, huyện C, TP Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phát Đ, sinh năm 1949 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1953; có vợ tên Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1976 (*đã ly hôn*); có 02 người con, sinh năm 2003 và sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo bị bắt giam theo lệnh truy nã từ ngày 11/4/2020 cho đến nay (*giam theo Bản án nói trên*); ngày 14/8/2020 bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

6. *Họ và tên*: Lê Quang V, sinh năm 1976; tại tỉnh Bến Tre; HKTT: huyện B, tỉnh Bến Tre; tạm trú: huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đ, sinh năm 1949 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1953; có vợ tên Lê Kim T, sinh năm 1976; có 02 người con, sinh năm 2014 và sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ chuyển sang tạm giam từ ngày 24/3/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. *Họ và tên*: Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Cu M), sinh năm 1987; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (*không rõ năm sinh, năm chết*), con bà Phan Thị M, sinh năm 1950; có vợ tên Lê Thị T, sinh năm 1989 (*đã ly hôn*); có 02 người con, cùng sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt

tạm giữ từ ngày 24/3/2020 đến ngày 02/4/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. *Họ và tên*: Trà Văn T, sinh năm 1972; tại TP Hồ Chí Minh; nơi cư trú: xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trà Văn N (*không rõ năm sinh, năm chết*), con bà Nguyễn Thị R (*không rõ năm sinh, năm chết*); có vợ tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; có 03 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 18/5/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. *Họ và tên*: Trần Văn N (tên gọi khác: L1 B), sinh năm 1966; tại tỉnh An Giang; HKTT: xã P, huyện Ph, tỉnh An Giang; tạm trú: thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con Trần Văn C, sinh năm 1942, con bà Thái Thị L, sinh năm 1950; có vợ tên Á, sinh năm 1978; có 01 người con, sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển sang tạm giam từ ngày 22/3/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. *Họ và tên*: Trương Minh N, sinh năm 1989; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H, sinh năm 1953, con bà Hà Thị D, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/3/2020 đến ngày 31/3/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. *Họ và tên*: Trương Minh Đ, sinh năm 1989; tại tỉnh Bình Dương; HKTT: thị xã B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hoàng C, sinh năm 1966 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; có vợ tên Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1990; có 02 người con, sinh năm 2011 và sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2020 đến ngày 01/4/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. *Họ và tên*: Trương Hữu P, sinh năm 2001; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương H T, sinh năm 1967, con bà Trần Thị Kiều O, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/3/2020 đến ngày 01/4/2020 thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Trọng H, sinh năm 1990; HKTT: xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (*có mặt tại phiên tòa*).

2. Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1990; HKTT: huyện C, T phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (*có mặt tại phiên tòa*).

3. Ông Bùi Anh H, sinh năm 1981; HKTT: xã P, huyện C, T phố Hồ Chí Minh (*có mặt tại phiên tòa*).

4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950; HKTT: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (*có mặt tại phiên tòa*).

5. Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1995; HKTT: Ấp R, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (*có mặt tại phiên tòa*).

- Người làm chứng:

1. NLC1 (*có mặt tại phiên tòa*);
2. NLC2 (*có mặt tại phiên tòa*);
3. NLC3 (*vắng mặt tại phiên tòa không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 22/3/2020, H điện thoại cho T hỏi tìm kèo đá gà, T nhận lời và gọi điện thoại cho Trà Văn T nhờ tìm kèo. Trà Văn T tiếp tục gọi điện thoại cho L1 để tìm kèo thì L1 đồng ý. Sau đó, L1 điện thoại cho Đ đề cập kèo. Do trước đó, Đ biết một người tên Ng (không rõ nhân thân lai lịch) có gà đá nên Đ gọi điện thoại cho N và thống nhất cấp kèo đá gà tại địa điểm do L1 chuẩn bị tại lô cao su tư nhân thuộc ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, H rủ G, B và V đi đến nhà T tại ấp P, xã A, huyện D, để nhờ T dẫn đi đá gà thì tất cả đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 55Y4-0511 (*xe của Bùi Anh H*) chở G mang theo 01 con gà nặng 1,9 kg. B điều khiển xe mô tô biển số 71K7-1473 (*xe của B, xe không có giấy tờ*) chở V mang theo 01 con gà nặng 2,6 kg. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, H, G, B và V đến ngã tư A, huyện D thì gặp T điều khiển xe mô tô biển số 61H1 - 255.99 (*xe của bà Nguyễn Thị B*) chở theo Trà Văn T. Sau đó tất cả đi đến địa điểm đã hẹn với L1.

Cùng thời điểm trên, sau khi nhận lời cấp kèo đá gà, đối tượng tên Ng cùng một số người bạn của Ng không rõ nhân thân lai lịch tên Ba N, Chú B và Đ đến một quán cà phê trên địa bàn xã A, thị xã B uống nước và tại đây Ng rủ N và N đến xã T, huyện D để đá gà thì tất cả đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, Minh N gọi điện thoại cho anh Lê Trọng H, sinh năm 1990, ngụ tại ấp xã A, thị xã B, là tài xế chạy xe dịch vụ, nhờ anh H chở nhóm của Minh N

đến xã T, huyện D thì anh H đồng ý. Anh H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 61A-364.65 (xe của anh H) đến đón nhóm của Minh N. Tất cả nhóm của Minh N mang theo 03 con gà đá do Ng chuẩn bị, trong đó có 01 con nặng 2,7 kg và 02 con không rõ cân nặng. Khi đến ngã ba Bến Súc thuộc địa bàn xã T, huyện D thì gặp Đ điều khiển xe mô tô biển số 51Y7-2423 (xe của chị Nguyễn Thị Thúy H) đang đợi sẵn. Đ dẫn đường cho nhóm của Ng đến vị trí đá gà mà L1 hẹn từ trước.

Khi đến điểm hẹn đá gà, Đ điện thoại cho P đến để đón Đ đi chơi bóng chuyền tại thị trấn T. P cùng với C, D, H được anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1995, HKTT: Ấp R, xã T, huyện D, điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 51F - 406.80 (xe của ông Phạm Trung K) chờ đến vị trí đá gà để đón Đ.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi tất cả đã đến điểm hẹn tại lô cao su tư nhân thuộc ấp Đ, xã T, huyện D, thì tại đây diễn ra 02 trận cá cược đá gà được thua bằng tiền N sau:

- *Trận thứ nhất:* Diễn ra giữa con gà nặng 2,6 kg của B và con gà nặng 2,7 kg của Ng, với tỷ lệ đặt cược là 8/10, cụ thể: Những ai đặt cược con gà nặng 2,6 kg, nếu thắng sẽ nhận được số tiền bằng với số tiền đặt cược, nếu thua sẽ ph trả 80% số tiền đặt cược. Trận này, L1 và L2 cùng làm trọng tài. Những người tham gia Đ cược con gà 2,6 kg gồm: H, G, B, V, T và Trà Văn T với tổng số tiền là 5.600.000 đồng. Những người tham gia đặt cược con gà nặng 2,7 kg gồm: Đ, Minh N, N, P và một người không rõ nhân thân lai lịch với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Trận thứ nhất, nhóm của Đ, Minh N, N và P thắng; nhóm của H, G, B, V, T và Trà Văn T thua.

- *Trận thứ hai:* Diễn ra giữa con gà nặng 1,9 kg của B và con gà nặng 2,1 kg của L1 với tỷ lệ đặt cược là 8/10, cụ thể: Những ai đặt cược con gà nặng 1,9 kg nếu thắng sẽ nhận được số tiền bằng với số tiền đặt cược, nếu thua sẽ ph trả 80% số tiền đặt cược. Trận này, L2 làm trọng tài. Những người đặt cược con gà nặng 1,9 kg gồm: H, G, V với tổng số tiền là 1.600.000 đồng. Những người đặt cược con gà nặng 2,1 kg gồm L1 và một người không rõ nhân thân lai lịch với tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Trận thứ hai, nhóm của H, G, V thắng; nhóm của L1 thua.

Sau khi diễn ra được 02 trận cá cược đá gà được thua bằng tiền thì bị Công an xã T, huyện D phát hiện, bắt quả tang và thu giữ các vật chứng gồm:

* *Thu giữ tại nơi các bị cáo tổ chức đánh bạc:*

- 01 cân loại 05 kg; 02 cặp cựa gà; 06 con gà trống; 20 cuộn băng keo đã qua sử dụng;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn: bạc, biển số 61A - 364.65, số máy: 1TRA248380, số khung: 8EM0H3227049;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn: ghi bạc, biển số: 51F - 406.80, số máy: 1TR6258878, số khung: 43G669203154.

** Thu giữ trên người các đối tượng:*

- Thu của Minh N: Tiền Việt Nam 3.200.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân số 280953262; 01 điện thoại di động hiệu ASUS, màu trắng (*kính màn hình bị rạn nứt*);

- Thu của N: Tiền Việt Nam 7.700.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu trắng (ghi), loại phím bấm.

** Thu giữ tại hiện trường xung quanh nơi tổ chức đánh bạc:*

- 01 xe mô tô biển số 51Y2-8994, số máy: 0000653;

- 01 xe mô tô biển số 51Y7-3423, số máy: 003565; số khung: 003565;

- 01 xe mô tô không có biển số, số máy: 1116699; số khung: 005113;

- 01 xe mô tô biển số 71K7-1473, số máy: 029957; số khung: 029957;

- 01 xe mô tô biển số 55Y4-0511, số máy: 5349558, số khung: 742939 (*bị gãy gập bánh trước*).

** Quá trình điều tra, các bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc N sau:*

- Bị cáo H giao nộp số tiền 2.800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, loại cảm ứng, mặt lưng màu tím, số IMEI: 358131/09/374003/4;

- Bị cáo G giao nộp số tiền: 300.000 đồng;

- Bị cáo T giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Xphone, loại phím bấm, màu vàng đồng, số IMEI: 358735063765241;

- Bị cáo Trà Văn T giao nộp 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile, loại phím bấm, mặt trước và mặt sau màu xanh, hai bên màu bạc;

- Bị cáo P giao nộp số tiền 1.750.000 đồng;

- Bị cáo Đ giao nộp số tiền 1.750.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu xanh, số IMEI: 355812098471658;

- Bị cáo L1 giao nộp số tiền 850.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu đen, số IMEI: 355774107114960;

- Bị cáo L2 giao nộp số tiền 200.000 đồng.

** Quá trình điều tra xác định được N sau:*

- *Đối với Hồ Văn L1: L1 chuẩn bị địa điểm đá gà, 01 cái cân loại 5 kg, 20 cuộn băng keo, một con gà nặng 2,1 kg và số tiền 2.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trận thứ nhất, L1 tham gia làm trọng tài (*lấy số tiền bên thua góp trả cho bên thắng sau khi trận đấu kết thúc*) và thu được 200.000 đồng tiền xâu (*L1 trực tiếp thu được 100.000 đồng, L2 trực tiếp thu được 100.000 đồng*). Trận thứ hai, L1 không làm trọng tài mà giao lại cho L2, L1 trực tiếp tham gia đặt cược con gà nặng 2,1 kg với số tiền 2.000.000 đồng (*trong đó L1 1.500.000 đồng và nhận đặt cược giúp một người không rõ nhân thân lai lịch**

500.000 đồng). Con gà L1 đặt cược bị thua nên L1 thua số tiền 2.000.000 đồng, L1 đưa cho bên thắng 1.850.000 đồng và giữ lại 150.000 đồng tiền xâu.

- *Đối với Hồ Văn L2*: L2 được L1 (*cha ruột của L2*) nhờ làm trọng tài của 02 trận đá gà. Sau khi trận thứ nhất kết thúc, L2 đứng ra nhận tiền của bên thua cược, trả cho bên thắng cược. Sau khi giao hết tiền thắng cược cho bên thắng, L2 thu được 100.000 đồng tiền xâu đưa cho L1 và cá nhân L2 được bên thắng cho 200.000 đồng tiền hoa hồng. Trận thứ hai, L2 làm trọng tài Nhưng không thu được tiền xâu do người thua tiền là L1 nên L1 tự giữ lại số tiền xâu.

- *Đối với Bùi Anh H*: H mang theo số tiền 3.600.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. H tham gia đặt cược 02 trận: Trận thứ nhất, H sử dụng số tiền 800.000 đồng đặt cược con gà 2,6 kg thì thua hết số tiền đặt cược; trận thứ hai, H tiếp tục sử dụng 800.000 đồng đặt cược con gà 1,9 kg thì thắng được số tiền 2.000.000 đồng. L1 đưa cho H số tiền 1.850.000 đồng để chia cho những người đặt cược bên thắng. H chưa kịp chia tiền cho mọi người thì bị Công an bắt quả tang, H chạy thoát và làm rơi mất số tiền trên.

- *Đối với Phún G*: G mang theo 01 con gà nặng 1,9 kg và số tiền 800.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. G tham gia đặt cược 02 trận: Trận thứ nhất, G sử dụng số tiền 500.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,6 kg thì thua hết số tiền là 500.000 đồng; trận thứ hai, G vay V số tiền 200.000 đồng để bù vào tiền của mình T số tiền 500.000 đồng đặt cược con gà nặng 1,9 kg thì thắng được số tiền 500.000 đồng. G chưa kịp nhận tiền thắng thì bị Công an bắt quả tang, G chạy thoát.

- *Đối với Lê Quốc B*: B mang theo 01 con gà 2,6 kg và số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. B tham gia trận thứ nhất, B sử dụng số tiền 800.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,6 kg thì thua hết số tiền đặt cược. Trận thứ hai, B không tham gia. Khi Công an bắt quả tang, B bỏ chạy và trốn về huyện B, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 11/4/2020, B bị Công an huyện C, tỉnh Bến Tre bắt truy nã theo Quyết định truy nã số: 01/QĐ ngày 09/01/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Đối với Lê Quang V*: V mang theo số tiền 600.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. V tham gia đặt cược 02 trận: Trận thứ nhất, V sử dụng số tiền 300.000 đồng đặt cược con gà 2,6 kg thì thua hết tiền cược; trận thứ hai, V sử dụng số tiền 300.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,6 kg thì thắng được số tiền 300.000 đồng. V chưa kịp nhận tiền thắng thì bị Công an bắt quả tang, V chạy thoát.

- *Đối với Nguyễn Văn T*: T cùng với Trà Văn T là người cấp kèo và dẫn đường cho H, G, B và V đến vị trí đánh bạc. T mang theo số tiền 3.400.000 đồng. Khi đến vị trí đánh bạc, T cho Trà Văn T vay 500.000 đồng, còn 2.700.000 đồng T sử dụng vào mục đích đánh bạc. T tham gia đặt cược trận thứ nhất và sử dụng số tiền 2.700.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,6 kg thì thua. Trận thứ hai, T không tham gia. Khi Công an bắt quả tang, T chạy thoát.

- *Đối với Trà Văn Trà Văn T*: Trà Văn T cùng T là người cúp kèo và dẫn đường cho H, G, B và V đến vị trí đánh bạc. Khi đi, Trà Văn T không mang theo tiền. Khi đánh bạc, Trà Văn T vay của T số tiền là 500.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trà Văn T tham gia đặt cược trận thứ nhất và sử dụng số tiền 500.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,6 kg thì bị thua. Trận thứ hai, Trà Văn T không tham gia. Khi Công an bắt quả tang, Trà Văn T chạy thoát.

- *Đối với Trương Minh N*: Minh N mang theo số tiền 1.700.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Minh N tham gia đặt cược trận thứ nhất và sử dụng số tiền 1.000.000 đồng đặt cược; đồng thời Minh N nhận đặt cược giúp một người không rõ nhân thân lai lịch số tiền 1.000.000 đồng, Minh N đặt cược con gà nặng 2,7 kg và thắng được số tiền 1.600.000 đồng, Minh N trả 100.000 đồng tiền xâu cho trọng tài (L2), còn 1.500.000 đồng Minh N đang giữ chưa đưa cho người cùng hùn tiền chung. Trận thứ hai, Minh N không tham gia đặt cược. Khi Công an bắt quả tang, Minh N bị tạm giữ số tiền 3.200.000 đồng.

- *Đối với Trần Văn N*: N mang theo số tiền 6.200.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. N tham gia đặt cược trận thứ nhất và sử dụng số tiền 2.000.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,7 kg, thắng được số tiền 1.600.000 đồng, N đưa 100.000 đồng tiền xâu cho trọng tài (L2). Trận thứ hai, N không tham gia. Khi Công an bắt quả tang, N bị tạm giữ số tiền 7.700.000 đồng.

- *Đối với Trương Minh Đ*: Đ dẫn đường cho nhóm của N đến vị trí đánh bạc và mang theo số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Đ tham gia đặt cược trận thứ nhất, Đ và P mỗi người hùn số tiền 1.000.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,7 kg, thắng được số tiền 1.600.000 đồng. Đ trả 100.000 đồng tiền xâu cho trọng tài (L1), Đ giữ 750.000 đồng và đưa cho P 750.000 đồng. Trận thứ hai, Đ không tham gia. Khi Công an bắt quả tang, Đ chạy thoát.

- *Đối với Trương Hữu P*: Ban đầu, P đến vị trí đánh bạc để đón Đ đi chơi bóng chuyền. Khi đi, P mang theo số tiền 1.000.000 đồng. Khi diễn ra trận thứ nhất, Đ rủ P mỗi người hùn số tiền 1.000.000 đồng đặt cược con gà nặng 2,7 kg thì P đồng ý, P thắng được số tiền 750.000 đồng. Trận thứ hai, P không tham gia. Khi Công an bắt quả tang, P chạy thoát.

Ngoài ra, còn có một số đối tượng không rõ nhân thân lai lịch hùn số tiền 1.000.000 đồng với Minh N đặt cược trận thứ nhất, hùn với L1 số tiền 500.000 đồng đặt cược trận thứ hai.

N vậy, hành vi của các bị cáo H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức cá cược đá gà, trận thứ nhất với tổng số tiền là 11.600.000 đồng. Các bị cáo H, G, V, L1 tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức cá cược đá gà trận thứ hai với tổng số tiền là 3.600.000 đồng đã đủ yếu tố cấu T tội “Đánh bạc”. Hành vi chuẩn bị địa điểm, phương tiện thực hiện tội phạm gồm: 01 cân 05 kg, 01 con gà, 20 cuộn băng keo, nước tắm cho gà, làm trọng tài cho 10 người tham gia đánh bạc dưới hình thức cá cược đá gà được thua bằng tiền của L1 đã đủ yếu tố cấu T tội “Tổ chức đánh bạc”. Hành vi tham gia cá cược đá gà được thua bằng tiền trận thứ hai của L1 với tổng số đặt

cược là 3.600.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu T tội “Đánh bạc” nên không xử lý hình sự đối với L1 về hành vi đánh bạc. Hành vi của L2 giúp sức tích cực cho L1 N làm trọng tài, thu tiền bên thua và giao tiền bên thắng đã đủ yếu tố cấu T tội “Tổ chức đánh bạc” với vai trò đồng phạm. Đối với hành vi tham gia đánh bạc của một số đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện D tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối hành vi của anh H đã điều khiển xe ô tô biển số 61A-364.65, chở N, Minh N và một số người không rõ nhân thân lai lịch đến vị trí đánh bạc. Quá trình điều tra xác định, anh H làm nghề chạy xe dịch vụ, không biết Minh N nhờ chở đi đánh bạc nên không xử lý hình sự đối với anh H.

Đối với hành vi của anh H, điều khiển xe ô tô biển số 51F-406.80, chở P và một số người bạn của P đến vị trí đánh bạc. Quá trình điều tra xác định, mục đích của H là chở P đến đón Đ đi chơi bóng chuyền. Sau khi đến vị trí đánh bạc, P tự nảy sinh ý định tham gia đánh bạc, H không biết nên không xử lý hình sự đối với H.

Đối với 06 con gà trống (*trong đó: 01 con nặng 1,9 kg, 01 con nặng 2,1kg, 01 con nặng 2,6 kg, 01 con nặng 2,7 kg và 02 con không xác định khối lượng*). Đây là gà do các bị cáo chuẩn bị và sử dụng làm phương tiện phạm tội. Sau khi tạm giữ, không có biện pháp thích hợp để B quản vật chứng. Ngày 23/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã tiến hành tiêu hủy.

Đối với 01 cân loại 05 kg; 02 cặp cựa gà; 20 cuộn băng keo đã qua sử dụng, đây là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn: bạc, biển số 61A-364.65, số máy: 1TRA248380, số khung: 8EM0H3227049. Quá trình điều tra xác định, xe ô tô trên do anh H đứng tên chủ sở H, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn: ghi bạc, biển số: 51F-406.80, số máy: 1TR6258878, số khung: 43G669203154. Quá trình điều tra xác định, xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của ông Mai H T, sinh năm 1971, HKTT: huyện C, T phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984, HKTT: thị trấn C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/6/2016, ông T và bà N ủy quyền cho ông Phạm Trung K, sinh năm 1976, HKTT: Ấp L, xã T, huyện D được quyền quản lý, sử dụng, cho thuê,... Ngày 22/3/2020, ông K cho anh H thuê xe ô tô trên làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Ngày 03/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả lại xe ô tô trên cho ông K.

Đối với 01 xe mô tô hiệu HONDA, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 1116699, số khung: 005113. Quá trình điều tra xác định, xe của bị cáo L1, xe mới mua chưa có biển số đăng ký.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu FALIM, màu sơn: xanh, biển số 51Y7-3423, số máy: 003565; số khung: 003565. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do

ông Phan Văn C, sinh năm 1981, HKTT: huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở H. Năm 2013, ông C bán xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1990. Ngày 22/3/2020, bà H cho Đ mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, bà H không biết Đ sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc.

Đối với xe mô tô không nhãn hiệu, màu sơn: xanh, biển số 51Y2-8994, số máy: 0000653, không xác định được số khung. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950, HKTT: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở H. Ngày 22/3/2020, bà P cho L2 mượn làm phương tiện đi lại, bà P không biết L2 sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh – đen, biển số 55Y4-0511, số máy: 5349558, số khung: 742939 (*bị gãy gập bánh trước*). Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do ông Bùi Anh H, sinh năm 1981, HKTT: huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Ngày 22/3/2020, ông Bùi Anh H cho H mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Ông Bùi Anh H không biết H sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số: 61H1-255.99 do bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1982. Quá trình điều tra xác định, ngày 22/3/2020, bà B cho T mượn làm phương tiện đi lại. Bà B không biết T sử dụng xe mô tô trên vào mục đích phạm tội.

Đối với xe mô tô không có nhãn hiệu, màu sơn: xanh – đen, biển số 71K7-1473, số máy: 029957, số khung: 029957 (xe không có giấy tờ đăng ký). Quá trình điều tra, B khai mua xe mô tô trên của một người không rõ nhân thân lai lịch. Quá trình xác minh không xác định được chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, loại cảm ứng, mặt lưng màu tím, số IMEI: 358131/09/374003/4 của H; 01 điện thoại di động hiệu Xphone, loại phím bấm, màu vàng đồng, số IMEI: 358735063765241 của T; 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile, loại phím bấm, mặt trước và mặt sau màu xanh, hai bên màu bạc của Trà Văn T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu xanh, số IMEI: 355812098471658 của Đ; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu đen, số IMEI: 355774107114960 của L1. Quá trình điều tra xác định các phương tiện trên được các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội.

Đối với 01 chứng minh nhân dân số 280953262 và 01 điện thoại di động hiệu ASUS, màu trắng (*kính màn hình bị rạn nứt*). Đây là tài sản và giấy tờ hợp pháp của Minh N, không sử dụng vào mục đích phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả lại cho Minh N.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu trắng (ghi), loại phím bấm tạm giữ của Trần Văn N. Quá trình điều tra xác định, N không sử dụng điện thoại trên vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 3.200.000 đồng thu giữ trên người Minh N. Quá trình điều tra xác định, Minh N sử dụng 1.700.000 đồng vào mục đích đánh bạc, 1.500.000 đồng do Minh N thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

Đối với số tiền 7.700.000 đồng thu giữ trên người N. Quá trình điều tra xác định, N sử dụng 6.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc, 1.500.000 đồng do N thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

Đối với số tiền 2.800.000 đồng do H tự nguyện giao nộp và đang tạm giữ của H. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên do H sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với số tiền 300.000 đồng do G tự nguyện giao nộp và đang tạm giữ của G. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên do G sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với số tiền 1.750.000 đồng do Đ tự nguyện giao nộp và đang tạm giữ của Đ. Quá trình điều tra xác định, Đ sử dụng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, 750.000 đồng do Đ thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

Đối với số tiền 1.750.000 đồng do P tự nguyện giao nộp và đang tạm giữ của P. Quá trình điều tra xác định, P sử dụng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, 750.000 đồng do P thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

Đối với số tiền 850.000 đồng do L1 tự nguyện giao nộp và đang tạm giữ của L1. Quá trình điều tra xác định, số tiền 500.000 đồng do L1 sử dụng vào mục đích đánh bạc, số tiền 350.000 đồng do L1 thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc.

Đối với số tiền 200.000 đồng do L2 tự nguyện giao nộp và đang tạm giữ của L2. Quá trình điều tra xác định, đây là số tiền so L2 thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc.

Đối với số tiền 1.850.000 đồng do H thu lợi bất chính từ việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H bỏ chạy làm mất số tiền trên. Quá trình điều tra không thu giữ được.

Đối với số tiền 200.000 đồng do B sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình điều tra không thu giữ được.

Đối với số tiền 300.000 đồng do V sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình điều tra không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 51/CTr-VKSĐT-HS ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã truy tố:

Các bị cáo Hồ Văn L1 và Hồ Văn L2 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Bùi Anh H, Phún G, Lê Quốc B, Lê Quang V, Nguyễn Văn T, Trà Văn T, Trần Văn N, Trương Minh N, Trương Minh Đ, Trương Hữu P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị:

- Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hồ Văn L1 từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

2. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hồ Văn L2 từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng; xử phạt bổ sung số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Bùi Anh H từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; xử phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Phún G (S) từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; xử phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; xử phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Trà Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; xử phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trương Hữu P từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Lê Quang V từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2020.

- Bị cáo Trần Văn N (L1 Bị) từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2020.

6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Trương Minh N từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; xử phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Trương Minh Đ từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; xử phạt bổ sung số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Quốc B 06 (sáu) đến 8 (tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt theo Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre.

- *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:*

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 cân loại 05 kg, 02 cặp cựa gà và 20 cuộn băng keo đã qua sử dụng, đây là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, loại cảm ứng, mặt lưng màu tím, số IMEI: 358131/09/374003/4 thu của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Xphone, loại phím bấm, màu vàng đồng, số IMEI: 358735063765241 thu của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile, loại phím bấm, mặt trước và mặt sau màu xanh, hai bên màu bạc, không có số IMEL (*điện thoại sử dụng pin Nokia*) thu của bị cáo Trà Văn T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu xanh, số IMEI: 355812098471658 thu của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu đen, số IMEI: 355774107114960 thu của bị cáo L1. Quá trình điều tra xác định, các bị cáo đã sử dụng các phương tiện để liên lạc nhau để cáp kèo, liên hệ nhau để dẫn đường, đây là phương tiện dùng vào mục đích phạm tội nên.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 850.000 đồng thu của bị cáo L1, trong đó có 500.000 đồng bị cáo L1 sử dụng vào mục đích đánh bạc và 350.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng thu của bị cáo L2, đây là số tiền bị cáo L2 thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.200.000 đồng thu của bị cáo Minh N, trong đó có 1.700.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và 1.500.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.700.000 đồng thu của bị cáo N, trong đó có 6.200.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và 1.500.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.800.000 đồng thu của bị cáo H do sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng thu của bị cáo G do sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng thu của bị cáo Đ, trong đó có 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và 750.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng thu của bị cáo P, trong đó có 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và 750.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu HONDA, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 1116699, số khung: 005113, xe mới mua chưa có biển số đăng ký thu giữ của bị cáo L1, do bị cáo L1 sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm.

+ Đề nghị giao 01 xe mô tô không có nhãn hiệu, màu sơn: xanh – đen, biển số 71K7-1473, số máy: 029957, số khung: 029957 (*xe đã cũ, không bửng, không có kính chiếu hậu bên ph*) để Ủy ban nhân dân huyện D xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, B khai mua xe mô tô trên của một người không rõ nhân thân lai lịch, xe không có giấy tờ hợp pháp.

+ Đề nghị bị cáo H nộp số tiền 1.850.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, do bị cáo H đã thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nhưng chưa giao nộp.

+ Đề nghị bị cáo B nộp số tiền 200.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, do bị cáo B sử dụng vào việc đánh bạc nhưng chưa giao nộp.

+ Đề nghị bị cáo V nộp số tiền 300.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, do bị cáo V đã sử dụng vào việc đánh bạc nhưng chưa giao nộp.

+ Đề nghị giao trả lại cho anh Lê Trọng H 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn: bạc, biển số 61A-364.65, số máy: 1TRA248380, số khung: 8EM0H3227049. Do quá trình điều tra xác định được anh Lê Trọng H đứng tên chủ sở hữu, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Đề nghị giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H 01 xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, màu sơn: xanh, biển số 51Y7-3423, số máy: 003565; số khung: 003565 (*xe đã cũ, không bửng, không có kính chiếu hậu*). Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do ông Phan Văn C, sinh năm 1981 đứng tên chủ sở hữu. Năm 2013, ông C bán xe mô tô trên cho chị H. Ngày 22/3/2020, chị H cho Đ mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, chị H không biết Đ sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc.

+ Đề nghị giao trả lại cho bà Nguyễn Thị P 01 xe mô tô màu sơn: xanh, biển số 51Y2-8994, số máy: 0000653, không xác định được số khung (*xe đã cũ, không bửng, không có kính chiếu hậu*). Quá trình điều tra xác định được bà Nguyễn Thị P đứng tên chủ sở hữu. Ngày 22/3/2020, bà P cho L2 mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, bà P không biết L2 sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc.

+ Đề nghị giao trả lại cho ông Bùi Anh H 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh – đen, biển số 55Y4-0511, số máy: 5349558, số khung: 742939 (xe đã cũ, không có kính chiếu hậu, bị gãy gập bánh trước). Quá trình điều tra xác định được ông Bùi Anh H đứng tên chủ sở H. Ngày 22/3/2020, ông Hùng cho Bùi Anh H mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Ông H không biết Bùi Anh H sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc.

+ Đề nghị giao trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu trắng (ghi), loại phím bấm số IMEI 1: 352835090177497 do bị cáo N không sử dụng điện thoại trên vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo L1, L2, H, G, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ và P T khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài ra, các bị cáo L1, L2, H, G, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ và P không có ý kiến tranh luận gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà P, chị H, anh Lê Trọng H, ông H yêu cầu được nhận lại tài sản đứng tên chủ sở hữu hợp pháp và không có yêu cầu, tranh luận gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Trọng H xác định xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn: ghi bạc, biển số: 51F-406.80, là do anh Lê Trọng H thuê lại của ông Phạm Trung K, Ngày 03/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện D đã trả lại xe ô tô trên cho ông K nên không có yêu cầu, tranh luận gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo L1, L2, H, G, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 22/3/2020, các bị cáo đã tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền tại nhà lô cao su tư nhân tại ấp D, xã T, huyện D thì bị bắt quả tang. Hai bị cáo L1 và L2 đã tổ chức và các bị cáo còn lại tham gia 02 trận đá gà: Trận thứ nhất, các bị cáo H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P và một người khác không xác định được tham gia với tổng số tiền là 11.600.000 đồng; trận thứ hai, các bị cáo H, G, V, L1 và một người khác không xác định

được tham gia với tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Bị cáo B đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên qua tranh tụng công khai và xem xét toàn bộ tài liệu chứng cứ đã được thu thập, có căn cứ xác định đúng N các bị cáo khác đã trình bày. Lời khai nhận của các bị cáo L1, L2, H, G, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 51/CTr-VKSĐT-HS ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, truy tố đối với các bị cáo L1 và L2 về tội “Tổ chức đánh bạc” và các bị cáo H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo L1, L2, H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nơi xảy ra vụ án, là hệ lụy kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho quần chúng nhân dân mất lòng tin vào chính quyền khi để tệ nạn xã hội xảy ra tại địa phương mình quản lý.

[4] Xét chủ thể, động cơ và mục đích phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo L1, L2, H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả để thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Thực hiện tội phạm với mục đích sát phạt nhau bằng tiền, nhằm thỏa mãn thoái hư tật xấu tham gia đánh bạc của mình.

[5] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, không có tổ chức chặt chẽ cho từng T viên. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm:

[5.1] *Đối với Hồ Văn L1*: Bị cáo L1 là người chuẩn bị địa điểm đá gà, công cụ, một con gà nặng 2,1 kg và số tiền 2.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trận thứ nhất, bị cáo L1 tổ chức cho 10 người đánh bạc (gồm: H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P) trong cùng một trận đá gà với tổng số tiền đánh bạc chứng minh được là 11.600.000 đồng và thu tiền xâu được 200.000 đồng. Hành vi của bị cáo L1 đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” nên bị truy tố và đưa ra xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Trận thứ hai, bị cáo L1 tham gia đặt cược cùng với các bị cáo H, G, V và một người không rõ nhân thân lai lịch với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.600.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu T tội phạm nên không truy tố và xét xử bị cáo L1 về tội “đánh bạc” là có căn cứ.

[5.2] *Đối với Hồ Văn L2*: Bị cáo L2 được bị cáo L1 (*cha ruột*) nhờ làm trọng tài, bị cáo L2 làm trọng tài 02 trận. Sau khi trận thứ nhất kết thúc, bị cáo L2 đứng ra nhận tiền của bên thua cược và giao cho bên thắng cược. Bị cáo L2 thu 100.000 đồng tiền xâu đưa cho bị cáo L1 và được bên thắng cho 200.000 đồng tiền hoa hồng. Trận thứ hai, bị cáo L2 chưa thu tiền xâu. Hành vi của bị

cáo L2 là hành vi giúp sức cho bị cáo L1 nên bị cáo L2 bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng quy định.

[5.3] *Đối với Bùi Anh H:* Bị cáo H là người khởi xướng việc đánh bạc dưới hình thức đá gà, là người rủ rê các bị cáo G, B và V tham gia đánh bạc. Khi đi, bị cáo H mang theo số tiền 3.600.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo H tham gia đặt cược 02 trận: Trận thứ nhất, bị cáo H sử dụng số tiền 800.000 đồng và thua hết; trận thứ hai, bị cáo H tiếp tục sử dụng 800.000 đồng đặt cược và thắng. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng, trận thứ hai là 3.600.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo H đủ cơ sở để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[5.4] *Đối với Phún G:* Mặc dù được bị cáo H rủ rê nhưng bị cáo G tham gia rất tích cực từ việc mang theo 01 con gà nặng 1,9 kg và số tiền 800.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo G tham gia đặt cược 02 trận: Trận thứ nhất, bị cáo G sử dụng số tiền 500.000 đồng đặt cược và thua hết số tiền là 500.000 đồng; trận thứ hai, bị cáo G vay của bị cáo V 200.000 đồng để bù vào tiền của mình T số tiền 500.000 đồng đặt cược và thắng. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng, trận thứ hai là 3.600.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo G đủ cơ sở để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[5.5] *Đối với Lê Quốc B:* Mặc dù được bị cáo H rủ rê nhưng bị cáo B tham gia rất tích cực từ việc mang theo 01 con gà 2,6 kg và số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. B tham gia trận thứ nhất với số tiền đặt cược là 800.000 đồng và thua hết. Trận thứ hai, B không tham gia. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo B đủ cơ sở để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[5.6] *Đối với Lê Quang V:* Mặc dù được bị cáo H rủ rê nhưng bị cáo V tham gia tích cực và mang theo số tiền 600.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo V tham gia đặt cược 02 trận: Trận thứ nhất, bị cáo V sử dụng số tiền 300.000 đồng đặt cược và thua; trận thứ hai, bị cáo V sử dụng số tiền 300.000 đồng đặt cược và thắng. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng, trận thứ hai là 3.600.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo V đủ cơ sở để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[5.7] *Đối với Nguyễn Văn T:* Bị cáo T tham gia với vai trò là người cào kéo và dẫn đường cho các bị cáo H, G, B, V đến vị trí đánh bạc, đồng thời bị cáo T mang theo số tiền 3.400.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi đến vị trí đánh bạc, bị cáo T cho bị cáo Trà Văn T vay 500.000 đồng, còn 2.700.000 đồng bị cáo T trực tiếp sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo T tham gia đặt cược trận thứ nhất với số tiền đặt cược là 2.700.000 đồng và thua. Trận thứ hai, bị

cáo T không tham gia. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[5.8] *Đối với Trà Văn Trà Văn T:* Bị cáo Trà Văn T cùng bị cáo T là người cấp kèo và dẫn đường cho H, G, B, V đến vị trí đánh bạc. Khi đi, bị cáo Trà Văn T không mang theo tiền nhưng khi đánh bạc thì vay của bị cáo T số tiền là 500.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Trà Văn T tham gia đặt cược trận thứ nhất và sử dụng số tiền 500.000 đồng đặt cược và thua. Trận thứ hai, bị cáo Trà Văn T không tham gia. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo Trà Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[5.9] *Đối với Trương Minh N:* Bị cáo Minh N tham gia với vai trò rất tích cực, khi được đồng bọn rủ rê thì gọi điện thoại thuê xe ô tô làm phương tiện để thực hiện tội phạm, khi đi mang theo số tiền 1.700.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Minh N tham gia đặt cược trận thứ nhất và sử dụng số tiền 1.000.000 đồng và nhận đặt cược giúp một người không rõ nhân thân lai lịch số tiền 1.000.000 đồng và thắng cược số tiền 1.600.000 đồng, bị cáo Minh N trả 100.000 đồng tiền xâu cho trọng tài (L2), còn 1.500.000 đồng bị cáo Minh N đang giữ chưa đưa cho người cùng hùn tiền. Trận thứ hai, bị cáo Minh N không tham gia đặt cược. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo Minh N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[5.10] *Đối với Trần Văn N:* Khi được đồng bọn rủ rê thì bị cáo N mang theo số tiền 6.200.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo N tham gia đặt cược trận thứ nhất với số tiền 2.000.000 đồng và thắng được số tiền 1.600.000 đồng, bị cáo N đưa 100.000 đồng tiền xâu cho trọng tài (L2), còn lại 1.500.000 đồng. Trận thứ hai, bị cáo N không tham gia. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[5.11] *Đối với Trương Minh Đ:* Khi được đồng bọn rủ rê thì Đ tiếp tục rủ rê lại và dẫn đường cho nhóm của bị cáo N đến vị trí đánh bạc, đồng thời khi đi bị cáo Đ mang theo số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Đ tham gia đặt cược trận thứ nhất với số tiền 1.000.000 đồng và thắng được số tiền 800.000 đồng. Trận thứ hai, bị cáo Đ không tham gia. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng nên báo Đ bị truy tố và xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[5.12] *Đối với Trương Hữu P:* Ban đầu, bị cáo P đến vị trí đánh bạc để đón bị cáo Đ đi chơi bóng chày. Khi đi bị cáo P mang theo số tiền 1.000.000 đồng. Khi diễn ra trận thứ nhất, bị cáo P nghe theo rủ rê của bị cáo Đ nên tham gia cược số tiền 1.000.000 đồng thắng được số tiền 750.000 đồng (*đã trừ 50.000 đồng tiền xấu*). Trận thứ hai, bị cáo P không tham gia. Tổng số tiền đánh bạc chứng minh được của trận thứ nhất là 11.600.000 đồng nên bị cáo P bị truy tố và xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[6] Để các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật, đảm B công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nên cần xử lý nghiêm bằng hình phạt đối với các bị cáo, từ đó có điều kiện giáo dục và cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt sau này và cũng nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo tham gia phạm tội với vai trò, mức độ khác nhau các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với mức độ nghiêm khắc khác nhau theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo N:

[7.1] Bị cáo L1 được hưởng tình tiết: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là con của liệt sỹ, là người đang bị bệnh thoái hóa cột sống, người có trình độ học vấn rất thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế theo quy định tại điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7.2] Các bị cáo L2, H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P được hưởng tình tiết: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội T khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo P có ông ngoại, bà ngoại là người có công với nước; bị cáo L2 có ông nội là người có công với nước; bị cáo H có cha, mẹ là người có công với nước; bị cáo Trà Văn T hiện nay đang bị bệnh suy thận nặng; các bị cáo G và T là người có trình độ học vấn rất thấp nên nhận thức pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tại Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo B 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2020 (*đang chấp hành hình phạt*). Do đó, bị cáo B bị tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[9] Hình phạt bổ sung đối với các bị cáo:

[9.1] *Đối với bị cáo L1:* Bị cáo là người cao tuổi, đang mắc bệnh thoái hóa cột sống không lao động tạo ra thu nhập nên được không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo L1.

[9.2] *Đối với bị cáo Trà Văn T*: Bị cáo Trà Văn T đang mắc bệnh suy thận giai đoạn cuối không lao động tạo ra thu nhập nên được không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trà Văn T.

[9.3] *Đối với bị cáo B, V và N*: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người làm thuê, làm công nhân và hiện các bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam nên không lao động tạo ra thu nhập nên được không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[9.4] *Đối với bị cáo P*: Bị cáo P đang là sinh viên, không lao động tạo ra thu nhập nên được không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[9.5] *Đối với các bị cáo L2, H, G, T, Minh N, Đ*: Các bị cáo L2, H, G, T, Minh N, Đ hiện tại là người làm thuê, làm công nhân, có lao động tạo ra thu nhập cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[10] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo L1, L2, H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo L1 là nghiêm khắc, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo thực hiện nên Hội đồng xét xử có xem xét cho phù hợp; đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[11] Xét thấy các bị cáo L1, L2, H, G, T, Trà Văn T, Minh N, Đ, P có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; việc không cần ph bắt chấp hành hình phạt tù thì bị cáo vẫn có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng như nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta, tạo cơ hội cho các bị cáo tự cải tạo T người công dân tốt.

[12] Xét thấy các bị cáo B, V và N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định nhưng có nơi cư trú không rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục nên không được áp dụng quy định về án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[13] Ngoài các bị cáo L1, L2, H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P tham gia tổ chức đánh bạc và đánh bạc thì còn một số đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch tham gia đánh bạc nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D chưa chứng minh được nên tiếp tục xác minh xử lý sau.

[14] Hành vi điều khiển xe ô tô biển số 61A-364.65 của anh H và điều khiển xe ô tô biển số 51F-406.80 của anh Lê Trọng H để chở các bị cáo tham gia đánh bạc, anh Lê Trọng H và anh H không biết nên không xử lý hình sự là phù hợp.

[15] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[15.1] Đối với 01 cân loại 05 kg, 02 cặp cựa gà và 20 cuộn băng keo đã qua sử dụng, đây là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[15.2] Đối với 01 xe mô tô hiệu HONDA, xe mới mua chưa có biển số đăng ký, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 1116699, số khung: 005113 thu của bị cáo L1. Bị cáo L1 sử dụng xe làm phương tiện thực hiện tội phạm nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.3] Đối với xe mô tô không có nhãn hiệu, màu sơn: xanh – đen, biển số 71K7-1473, số máy: 029957, số khung: 029957 (*xe đã cũ, không bửng, không có kính chiếu hậu bên ph*). Quá trình điều tra, bị cáo B khai mua xe mô tô trên của một người không rõ nhân thân lai lịch. Quá trình xác minh không xác định được chủ sở hữu, xe không giấy tờ hợp pháp; bị cáo B dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[15.4] Đối với 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, loại cảm ứng, mặt lưng màu tím, số IMEI: 358131/09/374003/4 của H; 01 điện thoại di động hiệu Xphone, loại phím bấm, màu vàng đồng, số IMEI: 358735063765241 của T; 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile, loại phím bấm, mặt trước và mặt sau màu xanh, hai bên màu bạc, không có số IMEL (*điện thoại sử dụng pin Nokia*) của Trà Văn T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu xanh, số IMEI: 355812098471658 của Đ; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu đen, số IMEI: 355774107114960 của L1. Quá trình điều tra xác định, các bị cáo đã sử dụng các phương tiện để liên lạc nhau để cấp kèo, liên hệ nhau để dẫn đường, đây là phương tiện dùng vào mục đích phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.5] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo L1 số tiền 850.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng bị cáo L1 sử dụng vào mục đích đánh bạc và 350.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.6] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo L2 số tiền 200.000 đồng và xác định được đây là số tiền bị cáo L2 thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.7] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo Minh N số tiền 3.200.000 đồng, trong đó có 1.700.000 đồng bị cáo Minh N sử dụng vào mục đích đánh bạc và 1.500.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.8] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo N số tiền 7.700.000 đồng, trong đó số tiền bị cáo N sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.200.000 đồng và 1.500.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.9] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo H số tiền 2.800.000 đồng và xác định được H sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.10] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo G số tiền 300.000 đồng và xác định được bị cáo G sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.11] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo Đ số tiền 1.750.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và 750.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.12] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo P số tiền 1.750.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và 750.000 đồng là thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên tịch thu toàn bộ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.13] Quá trình điều tra xác định được số tiền bị cáo H đã thu lợi bất chính từ việc đánh bạc là 1.850.000 đồng, bị cáo H chưa giao nộp nên buộc bị cáo H giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.14] Quá trình điều tra xác định được số tiền bị cáo B sử dụng vào việc đánh bạc là 200.000 đồng, bị cáo B chưa giao nộp nên buộc bị cáo B giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.15] Quá trình điều tra xác định được số tiền bị cáo V sử dụng vào việc đánh bạc là 300.000 đồng, bị cáo V chưa giao nộp nên buộc bị cáo V giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[15.16] Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, màu sơn: bạc, biển số 61A-364.65, số máy: 1TRA248380, số khung: 8EM0H3227049. Quá trình điều tra xác định, xe ô tô trên do anh Lê Trọng H đứng tên chủ sở hữu, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên giao trả lại cho anh H.

[15.17] Đối với xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, màu sơn: Xanh, biển số 51Y7-3423, số máy: 003565; số khung: 003565 (*xe đã cũ, không bửng, không có kính chiếu hậu*). Quá trình điều tra xác định, xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thúy H. Ngày 22/3/2020, chị H cho Đ mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, chị H không biết Đ sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc nên giao trả lại cho chị H.

[15.18] Đối với xe mô tô màu sơn: xanh, biển số 51Y2-8994, số máy: 0000653, không xác định được số khung (*xe đã cũ, không bửng, không có kính chiếu hậu*). Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị P, sinh

năm 1950 đứng tên chủ sở hữu Ngày 22/3/2020, bà P cho L2 mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, bà P không biết L2 sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bà P.

[15.19] Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh – đen, biển số 55Y4-0511, số máy: 5349558, số khung: 742939 (*xe đã cũ, không có kính chiếu hậu, bị gãy gập bánh trước*). Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do ông Bùi Anh H đứng tên chủ sở H. Ngày 22/3/2020, ông H cho Bùi Anh H mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Ông H không biết Bùi Anh H sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho ông H.

[15.20] Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu trắng (ghi), loại phím bấm số IMEI 1: 352835090177497 thu giữa của bị cáo N, do bị cáo N không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

[16] Các bị cáo các bị cáo L1, L2, H, G, B, V, T, Trà Văn T, N, Minh N, Đ, P ph chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn L1 và Hồ Văn L2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”;

Tuyên bố các bị cáo Bùi Anh H, Phún G, Lê Quốc B, Lê Quang V, Nguyễn Văn T, Trà Văn Trà Văn T, Trần Văn N, Trương Minh Minh N, Trương Minh Đ, Trương Hữu P phạm tội “Đánh bạc”.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Hồ Văn L1 14 (*mười bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (*hai mươi tám*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

2. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Hồ Văn L2 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Phạt bổ sung bị cáo Hồ Văn L2 số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Giao bị cáo Hồ Văn L1 và Hồ Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

3.1. Bị cáo Bùi Anh H 08 (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (*mười sáu*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Anh H số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Giao bị cáo Bùi Anh H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3.2. Bị cáo Phún G (Sáng) 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Phạt bổ sung bị cáo Phún G (Sáng) số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Giao bị cáo Phún G (Sáng) cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3.3. Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (*mười sáu*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện D giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

4.1. Bị cáo Trương Minh Minh N 08 (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (*mười sáu*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Phạt bổ sung bị cáo Trương Minh N số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Giao bị cáo Trương Minh Minh N cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

4.2. Bị cáo Trương Minh Đ 08 (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (*mười sáu*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Phạt bổ sung Bị cáo Trương Minh Đ số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Giao bị cáo Trương Minh Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

5.1. Bị cáo Trương H P 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Giao bị cáo Trương Hữu P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

5.2. Bị cáo Trà Văn Trà Văn T 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020).

Giao bị cáo Trà Văn Trà Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

6. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

7. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo L2, H, G, T, T, Đ và Minh N không thi hành án đối với số tiền phạt nêu trên, thì hàng tháng các bị cáo L2, H, G, T, T, Đ và Minh N còn ph chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

8.1. Bị cáo Lê Quang V 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 22/3/2020.

8.2. Bị cáo Trần Văn N (L1 Bị) 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 22/3/2020.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Quốc B 06 (*sáu*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 (*chín*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Bến Tre; buộc bị cáo Lê Quốc B ph chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2020.

II. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự, tuyên xử:

1. Tịch thu tiêu hủy: 01 cân loại 05 kg, 02 cặp cựa gà và 20 cuộn băng keo đã qua sử dụng.

2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

2.1. 01 xe mô tô không có nhãn hiệu, màu sơn: Xanh – đen, biển số 71K7-1473, số máy: 029957, số khung: 029957 (*xe đã cũ, không bình, không có kính chiếu hậu bên ph*), thu của bị cáo B.

2.2. 01 xe mô tô hiệu HONDA, xe mới mua chưa biển số đăng ký, màu sơn: Đỏ - đen, số máy: 1116699, số khung: 005113 thu của bị cáo L1.

2.3. 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, loại cảm ứng, mặt lưng màu tím, số IMEI: 358131/09/374003/4 thu của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Xphone, loại phím bấm, màu vàng đồng, số IMEI: 358735063765241 của T; 01 điện thoại di động hiệu S.Mobile, loại phím bấm, mặt trước và mặt sau màu xanh, hai bên màu bạc, không có số IMEL (*điện thoại sử dụng pin Nokia*) thu của bị cáo Trà Văn T; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu xanh, số IMEI: 355812098471658 thu của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, loại phím bấm, màu đen, số IMEI: 355774107114960 thu của bị cáo L1.

2.4. Tổng số tiền 18.750.000 đồng (*mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) là tiền thu của các bị cáo L1, L2, H, G, Minh N, N, Đ và P sử dụng vào việc đánh bạc và thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

(Số tiền trên thể hiện tại Biên lai thu tiền số: AA/2014/0002491 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

3. Trả lại các tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp:

3.1. Trả lại cho anh Lê Trọng H 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, màu sơn: Bạc, biển số 61A-364.65, số máy: 1TRA248380, số khung: 8EM0H3227049.

3.2. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H 01 xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, màu sơn: Xanh, biển số 51Y7-3423, số máy: 003565; số khung: 003565 (*xe đã cũ, không bình, không có kính chiếu hậu*).

3.3. Trả lại cho bà Nguyễn Thị P 01 xe mô tô màu sơn: Xanh, biển số 51Y2-8994, số máy: 0000653, không xác định được số khung (*xe đã cũ, không bình, không có kính chiếu hậu*).

3.4. Trả lại cho ông Bùi Anh H 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Xanh – đen, biển số 55Y4-0511, số máy: 5349558, số khung: 742939 (*xe đã cũ, không có kính chiếu hậu, bị gãy gập bánh trước*).

3.5. Trả lại cho bị cáo Trần Văn N 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu trắng (ghi), loại phím bấm số IMEI 1: 352835090177497.

(Tài sản trên được thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/8/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D với Chi cục Thi hành án dân sự huyện D)

4. Buộc các bị cáo sau ph nộp các số tiền để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

4.1. Bị cáo Bùi Anh H ph nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc là 1.850.000 đồng (*một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*);

4.2. Bị cáo Lê Quốc B ph nộp số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*);

4.3. Bị cáo Lê Quang V ph nộp số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

III. **Án phí hình sự sơ thẩm:**

1. Bị cáo Hồ Văn L1 ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

2. Bị cáo Hồ Văn L2 ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

3. Bị cáo Bùi Anh H ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Bị cáo Phún G (Sáng) ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

5. Bị cáo Lê Quốc B ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

6. Bị cáo Lê Quang V ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
7. Bị cáo Nguyễn Văn T (Cu Mét) ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
8. Bị cáo Trà Văn Trà Văn T ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
9. Bị cáo Trần Văn N (L1 Bị) ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
10. Bị cáo Trương Minh N ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
11. Bị cáo Trương Minh Đ ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
12. Bị cáo Trương hữu P ph chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

IV. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND xã T, H. Dầu Tiếng;
- UBND A, H. Dầu Tiếng;
- UBND xã T và xã H, H. C, TP Hồ Chí Minh;
- UBND xã A, thị xã B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- L1: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng